

Bản án số: 169/2022/DS-PT

Ngày: 18/7/2022

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản theo
hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2021/TLPT- DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Đòi lại tài sản theo hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị bị đơn ông Lê Chí Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 337/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Thanh S, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Minh T, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trương Minh T – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Lê Chí Th, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 195, ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 80, đường Nguyễn Cư Trinh, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1955 (chết)

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Minh Tr:

- Anh Nguyễn Xuân A, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Anh T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thúy M, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Thới Lộc, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người làm chứng:

- Ông Đinh Văn T (Vắng mặt).

- Ông Đinh Văn N (Vắng mặt).

Cùng ngụ: ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 06/11/2006 ông Huỳnh Thanh T có nhận cầm cố của ông Lê Chí Th quyền sử dụng đất thuộc thửa 493, diện tích 16.030m² (hơn 12 công tầm 3m), tờ bản đồ số 11, tọa lạc hiện nay tại ấp T, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ. Phần đất này thời điểm cố do ông Nguyễn Minh Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cố đất có làm giấy tay, giá cố đất 110 chỉ vàng 24K, ông Th có ký tên, thời hạn cố là 02 năm. Ông T đã giao vàng cho ông Th 02 lần: lần 01 vào ngày 06/11/2006 giao 70 chỉ vàng 24K, lần 02 vào ngày 04/02/2007 giao 40 chỉ vàng 24K. Sau khi giao vàng, ông T canh tác đất, đến

thời hạn chuộc lại đất, ông Th không chuộc lại nên ông T tiếp tục canh tác đến năm 2016 thì phần đất này bị phát mãi để thu hồi nợ.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí Th trả cho ông 110 chỉ vàng 24K và bồi thường khoản tiền tương đương với thời gian ông không canh tác được là 18 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 54.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Chí Th trình bày và yêu cầu:

Vào năm 2006 ông có đứng tên thay cho ông Lê Văn S để cố cho ông Huỳnh Thanh T quyền sử dụng đất nêu trên. Phần đất này thời điểm cố do ông Nguyễn Minh Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cố đất hai bên có làm giấy tay và ông có ký nhận, giá cố 110 chỉ vàng 24K, thời gian cố là 02 năm. Sau khi làm giấy ông T đã giao đủ vàng như ông T trình bày nhưng ông đã giao lại 110 chỉ vàng 24K cho ông Lê Văn S và ông cũng đã giao đất cho ông T canh tác. Sau đó sự việc như thế nào thì ông không biết. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý vì ông chỉ đứng tên dùm ông S cố đất cho ông T và ông đã giao đủ số vàng cho ông S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày:

Vào năm 2005 ông có nhận cố phần đất nêu trên của ông Nguyễn Minh Tr với giá 110 chỉ vàng 24K. Đến năm 2006 ông có yêu cầu ông Tr chuộc lại đất và trả vàng cho ông nhưng ông Tr không chuộc. Cùng trong năm 2006 ông có nhờ ông Lê Chí Th đứng tên cố phần đất này lại cho ông Huỳnh Thanh T như ông Th trình bày. Khi cố đất cho ông T thì ông có báo cho ông Tr biết và ông Tr cũng đồng ý. Đồng thời ông T cũng biết đây là quyền sử dụng đất do ông Tr đứng tên. Sau khi hai bên thống nhất thì ông T giao đủ vàng cho ông Th và ông Th đã giao đủ vàng cho ông. Khi cố đất cho ông T thì giữa ông, ông T, ông Th đã thông báo việc cố đất cho ông Tr biết và ông Tr đồng ý nên ông Tr là người có nghĩa vụ trả lại 110 chỉ vàng 24K cố đất cho ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Tr trình bày:

Ông thừa nhận việc cố đất cho ông Lê Văn S như ông S trình bày. Cùng thời điểm cố đất thì ông có thể chấp phần đất nêu trên để vay vốn ngân hàng. Sau đó việc ông S nhờ ông Th cố đất cho ông T như thế nào thì ông không biết. Vào năm 2016 do không trả được nợ cho Ngân hàng nên phần đất nêu trên đã bị phát mãi để thu hồi nợ. Nay ông đồng ý trả lại số vàng cho ông S để ông S trả lại cho ông T nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên hiện tại ông không có khả năng trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 126/2018/DSST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên như sau:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th.

+ Buộc ông Lê Chí Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Thanh T 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K loại vàng nữ trang 98% hoặc số tiền tương đương.

+ Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th về việc yêu cầu ông Lê Chí Th bồi thường thiệt hại mỗi tháng 3.000.000 đồng tính từ ngày phân đất nhận cầm cố bị phát mãi để thu hồi nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo bản án.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 71/2019/DSPT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuyên như sau:

+ Bác kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí Th, sửa bản án sơ thẩm.

+ Đình chỉ kháng cáo của ông Lê Văn S.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T. Buộc ông Lê Chí Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Thanh T 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24 K loại vàng nữ trang 98%.

Tách yêu cầu có liên quan giữa ông Lê Chí Th, ông Lê Văn S với ông Nguyễn Minh Tr thành vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

+ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực thi hành.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 160/2020/DS-GĐT ngày 13/7/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

+ Chấp nhận kháng nghị số 91/2020/KN-DS ngày 01/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 71/2019/DS-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và bản án dân sự sơ thẩm số 126/2018/DS-ST ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ.

+ Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 25/01/2021, ông Lê Chí Th yêu cầu ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thanh T 110 chỉ vàng 24k và các nghĩa vụ trong quan hệ cổ quyền sử dụng đất.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 28/01/2021, ông Lê Văn S yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thanh T 110 chỉ vàng 24K và thỏa thuận bồi thường với ông T.

Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 05/5/2021, ông Đinh Văn T trình bày: Ông có ký tên vào “Tờ cổ đất ruộng đề ngày 06/11/06” với tư cách là người canh tác đất lân cận. Tờ cổ đất này do ông T đưa ông, nhờ ông ký tên dùm. Tại thời điểm ông T, ông Th lập tờ cổ đất thì ông không có mặt, các bên thỏa thuận như thế nào ông không biết, ông không chứng kiến việc các bên giao nhận 70 chỉ vàng 24K. Đến lần ông T giao 40 chỉ vàng 24K cho ông Th thì ông có mặt, việc giao nhận vàng tại nhà ông T, lúc đó không có mặt ông S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 78/2021/DSST ngày 26/5/2021 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Chí Th đối với ông Lê Văn S.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn S đối với ông Nguyễn Minh Tr.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thời gian không canh tác đất của ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thời gian không canh tác đất của ông Lê Chí Th đối với ông Lê Văn S.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thời gian không canh tác đất của ông Lê Văn S đối với ông Nguyễn Minh Tr.

2. Buộc bị đơn ông Lê Chí Th có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh T 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang 98%).

Buộc ông Lê Văn S có trách nhiệm trả cho ông Lê Chí Th 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang 98%).

Buộc ông Nguyễn Minh Tr có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn S 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang 98%).

Ngoài ra, bản án nêu trên còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí cũng như quyền kháng cáo của các đương sự. Không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm, bị đơn ông

Lê Chí Th, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Ông Lê Chí Th cho rằng: ông chỉ đứng tên cầm ông S trong hợp đồng có quyền sử dụng đất, thực tế ông không phải là người trực tiếp canh tác đất nên ông S là người có trách nhiệm trả vàng cho ông T.

Ông Lê Văn S trình bày, ông thừa nhận có có quyền sử dụng đất từ ông Tr với giá 110 chỉ vàng 24k, thời gian có là 02 năm. Khi hết thời gian có ông có nói với ông Tr nhưng do tại thời điểm đó ông Tr không có tiền để chuộc lại nên có kêu ông có lại cho người khác. Sau đó, ông có có quyền sử dụng đất lại cho ông Huỳnh Thanh T với giá 110 chỉ vàng 24k, mặc dù trên giấy tờ ông Th là người có đất cho ông T nhưng thực tế ông là người có đất cho ông T. Khi có đất ông T có đưa vàng cho ông 02 đợt, mỗi đợt cụ thể bao nhiêu ông không nhớ rõ nhưng đợt thứ nhất ông nhận trực tiếp từ ông T, đợt thứ 2 ông T giao cho ông Th. Do ông T cũng biết rõ đất thuộc quyền sử dụng của ông Tr và ông Tr cũng biết ông có đất cho ông T nên ông Tr phải có trách nhiệm trả vàng cho ông T.

Ông Huỳnh Thanh T khẳng định, tại thời điểm có quyền sử dụng đất ông Th là người trực tiếp canh tác đất nên mới lập hợp đồng có đất cho ông. Ông cũng giao vàng trực tiếp cho ông Th nên ông chỉ yêu cầu ông Th có trách nhiệm trả lại vàng cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm trong việc Thụ lý xét xử phúc thẩm (Điều 285); Chuẩn bị xét xử phúc thẩm (Điều 286); Cung cấp tài liệu, chứng cứ (Điều 287); Triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm (Điều 294) của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy: Các đương sự đều thừa nhận thống nhất quyền sử dụng đất tại thửa 493, diện tích 16.030m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp Trường Khương A, xã Trường Xuân B, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn

Minh Tr đứng tên quyền sử dụng đất và các bên thống nhất về thời điểm cổ đất, giá các bên nhận cổ đất và việc cổ đất thực hiện theo thứ tự từ ông Nguyễn Minh Tr sang ông Lê Văn S, ông S nhờ ông Lê Chí Th cổ lại cho ông Huỳnh Thanh T và việc giao nhận vàng cổ đất như các bên thừa nhận là phù hợp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn ông Th phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số vàng cổ đất là 110 chỉ vàng 24k. Tuy thời điểm cổ đất các bên thừa nhận và biết được quyền sử dụng đất tại thửa 493, diện tích 16.030m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp Trường Khương A, xã Trường Xuân B, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Minh Tr đứng tên quyền sử dụng đất, biết được việc ông Tr đã cổ đất cho ông S, và ông Th chỉ đứng tên dùm ông S để cổ đất cho ông T, và giữa ông T và ông Th có lập hợp đồng cổ đất (BL 40), ông T trực tiếp giao vàng cho ông Th, ông Th cũng thừa nhận đã nhận số vàng 110 chỉ 24k từ ông T. Đối với ông S cũng thừa nhận đã nhận số vàng 110 chỉ vàng 24k cổ đất từ ông Th và ông Tr cũng thừa nhận đã nhận số vàng 110 chỉ vàng 24k cổ đất từ ông S. Đồng thời, giữa nguyên đơn ông T, bị đơn ông Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông S, ông Tr không có thỏa thuận nào khác về việc hoán đổi nghĩa vụ thanh toán tiền số vàng cổ đất giữa các bên, nên ai đã nhận vàng cổ đất từ người nào thì thanh toán lại cho người đó là phù hợp. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Th phải có trách nhiệm thanh toán số tiền cổ đất cho ông T, ông S có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Th, ông Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông S là có cơ sở.

Ở giai đoạn sơ thẩm, bị đơn ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S có trách nhiệm thanh toán số vàng cổ đất cho nguyên đơn ông T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tr có trách nhiệm thanh toán số vàng cổ đất cho nguyên đơn ông T. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tại phần quyết định của bản án, tuyên xử “...*Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Chí Th đối với ông Lê Văn S. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn S đối với ông Nguyễn Minh Tr...*” là chưa phù hợp. Bởi lẽ, bị đơn ông Th yêu cầu ông S thanh toán số vàng cổ đất cho nguyên đơn, không yêu cầu ông S thanh toán cho ông Th; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S yêu cầu ông Tr thanh toán số vàng cổ đất cho nguyên đơn, không yêu cầu ông Tr thanh toán cho ông S. Nên phần tuyên của bản án như nội dung trên là chưa phù hợp.

Đồng thời, quá trình Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Tr mất, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tr gồm Nguyễn Anh T, Nguyễn Xuân A,

Nguyễn Thúy M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Tr (trong trường hợp những người này có nhận di sản do ông Tr để lại).

Đề xuất: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm số 78 ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T (phần quyết định của bản án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: trong quá trình xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh Tr mất. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập thông tin của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tr tham gia tố tụng. Tuy nhiên, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tr tham gia tố tụng của ông Tr đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí Th. Ông Th yêu cầu Tòa án xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Th, buộc ông S là người có trách nhiệm trả vàng cho ông T.

Xét thấy, quá trình xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều thống nhất việc thiết lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Tr với ông S, giữa ông Th với ông T là vô hiệu nên các bên chỉ yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, cụ thể là xem xét trách nhiệm trả lại số vàng đã nhận giữa các bên.

Ông Th cho rằng ông chỉ là người đứng tên dùm ông S trong hợp đồng cầm cố đất với ông T, điều này được ông S thừa nhận. Tuy nhiên, lời trình bày của ông Th và lời thừa nhận của ông S không có chứng cứ gì chứng minh và cũng không phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ, cụ thể là hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Th và ông T cũng như không phù hợp với trình bày của các đương sự khác là ông T và những người làm chứng như ông Nhiều, ông Tú. Do đó lời trình bày của ông Th và lời thừa nhận của ông S là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Theo hợp đồng có tài sản giữa ông Th và ông T thể hiện ông Th có nhận của ông T 110 chỉ vàng 24K nên khi hợp đồng vô hiệu ông S phải có trách nhiệm trả lại cho ông T số vàng này. Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông Th có trách nhiệm trả lại cho ông T số vàng 110 chỉ loại vàng 24K là có cơ sở. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Th là

chưa chính xác cần điều chỉnh lại, bởi ông Th yêu cầu ông S có trách nhiệm trả vàng cho ông T. Ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo của ông là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn S. Ông S yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông buộc ông Tr (nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tr) có trách nhiệm trả cho ông T 110 chỉ vàng loại 24K.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông S yêu cầu ông Tr phải có trách nhiệm trả vàng cho ông T vì ông cho rằng việc cố quyền sử dụng đất cho ông T ông Tr có biết và đồng ý nên ông Tr phải có trách nhiệm trả lại số vàng này. Đồng thời ông T biết quyền sử dụng đất là của ông Tr nhưng vẫn chấp nhận cố đất nên ông T cũng phải chịu rủi ro trong việc xác lập hợp đồng cố quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, quá trình xét xử ông S đều thừa nhận có ký hợp đồng cố quyền sử dụng đất với ông Tr và có giao cho ông Tr 110 chỉ vàng loại 24K. Ông Tr xác định có cố quyền sử dụng đất cho ông S nên ông chỉ đồng ý trả lại vàng cho ông S, còn việc ông S cố lại quyền sử dụng đất cho ông T ông không biết. Lời trình bày của ông Tr và ông S phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ là hợp đồng cố quyền sử dụng đất giữa ông Tr và ông S và phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Ông S cho rằng ông Tr biết và đồng ý để ông cố đất cho ông T nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày này và ông Tr cũng không thừa nhận.

Đối với ông T cũng xác định, tại thời điểm xác lập hợp đồng cố quyền sử dụng đất, ông Th là người trực tiếp canh tác đất và hợp đồng cố đất cũng được xác lập giữa ông S với ông T.

Tại phiên tòa, ông T cũng không đồng ý nhận chuyển giao nghĩa vụ trả vàng từ ông Th sang ông Tr. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông S là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với nghĩa vụ trả vàng của ông Tr. Sau khi bản án sơ thẩm tuyên ông Tr không có kháng cáo. Quá trình xét xử phúc thẩm ông Tr mất, do đó theo quy định của pháp luật thừa kế thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr phải có nghĩa vụ thực hiện thay nghĩa vụ của ông Tr trong phạm vi di sản của ông Tr để lại. Theo công văn số 137/UBND ngày 13/6/2022 của UBND xã Trường Xuân B, huyện T, thành phố Cần Thơ thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr bao gồm: cha - Nguyễn Văn Tư (đã chết), mẹ - Đinh Thị Hoa (đã chết), Vợ - Nguyễn Thị Nương (đã chết), các con Nguyễn Anh T, sinh năm 1991, Nguyễn Thúy M, sinh năm 1994, Nguyễn Xuân A, sinh năm 1988. Do đó,

Nguyễn Anh T, Nguyễn Thúy M, Nguyễn Xuân A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả số vàng nêu trên thay cho ông Tr trong phạm vi di sản của ông Tr để lại.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của ông Th, ông S là không có cơ sở chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của ông Th, ông S không được chấp nhận, do đó căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Th, ông S mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng. Ông Th, ông S được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 003583 ngày 09/6/2021 và 003584 ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 232 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122 và Điều 131 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Chí Th.
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S.
- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 78/2021/DSST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Cần Thơ.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Chí Th đối với ông Lê Văn S về việc buộc ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thanh T 110 chỉ vàng 24K.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn S đối với ông Nguyễn Minh Tr về việc buộc ông Nguyễn Minh Tr (nay là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tr) có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thanh T 110 chỉ vàng 24K.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thời gian không canh tác đất của ông Huỳnh Thanh T đối với ông Lê Chí Th.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thời gian không canh tác đất của ông Lê Chí Th đối với ông Lê Văn S.

Đình chỉ yêu cầu bồi thường thời gian không canh tác đất của ông Lê Văn S đối với ông Nguyễn Minh Tr.

2. Buộc bị đơn ông Lê Chí Th có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh T 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang 98%).

Buộc ông Lê Văn S có trách nhiệm trả cho ông Lê Chí Th 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang 98%).

Buộc Nguyễn Anh T, Nguyễn Thúy M, Nguyễn Xuân A có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn S 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang 98%) thay cho ông Nguyễn Minh Tr trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Minh Tr để lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Chí Th phải chịu 27.104.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được cản trừ 6.918.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Lê Chí Th đã nộp theo biên lai thu số 016140 ngày 18/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên ông Th phải nộp 20.186.000 đồng.

Ông Lê Văn S phải chịu 27.104.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được cản trừ 6.918.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Lê Văn S đã nộp theo biên lai thu số 016142 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên ông S phải nộp 20.186.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh Tr phải chịu 27.104.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông Nguyễn Minh Tr là người cao tuổi nên ông Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T được nhận lại 11.115.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002447 ngày 17/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Số tiền này ông T đã nhận xong.

4. Về tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Chí Th, ông Lê Văn S mỗi người phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Ông Th, ông S được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003583 ngày 09/6/2021 và 003584 ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Chí Th được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 002839 ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Văn S được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 002838 ngày 26/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Loan

